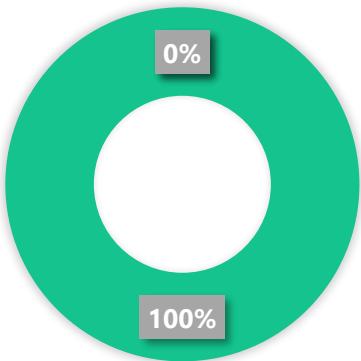


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,100
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,505
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		112
P/E		20.3
EPS		458

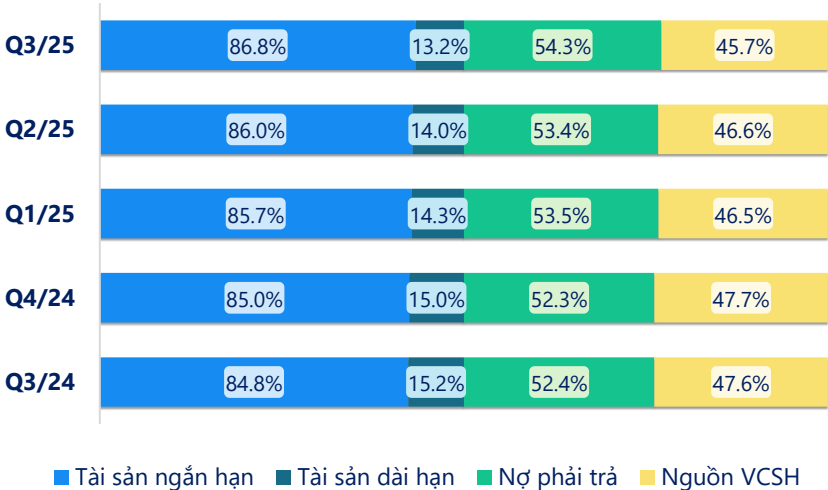
	YTD	1T	3T	6T
DDB		-8.8%	-27.3%	-29.0%
VNINDEX		0.2%	10.2%	23.8%

Cơ cấu sở hữu



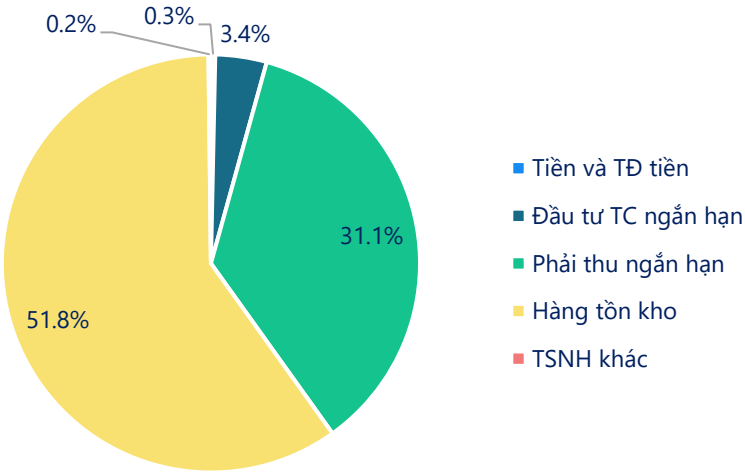
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

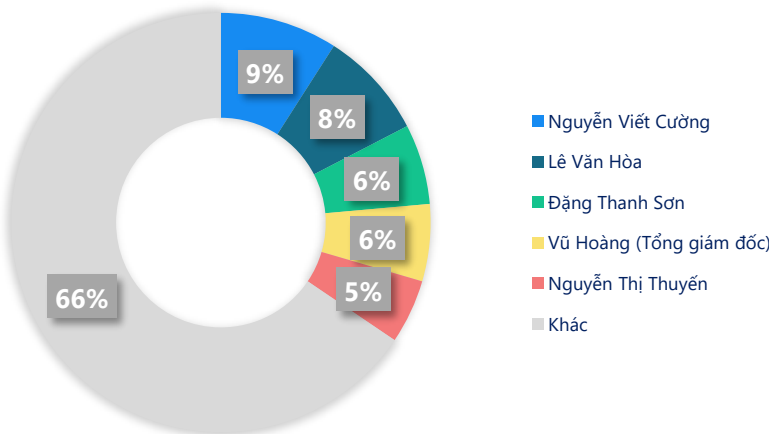
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/25

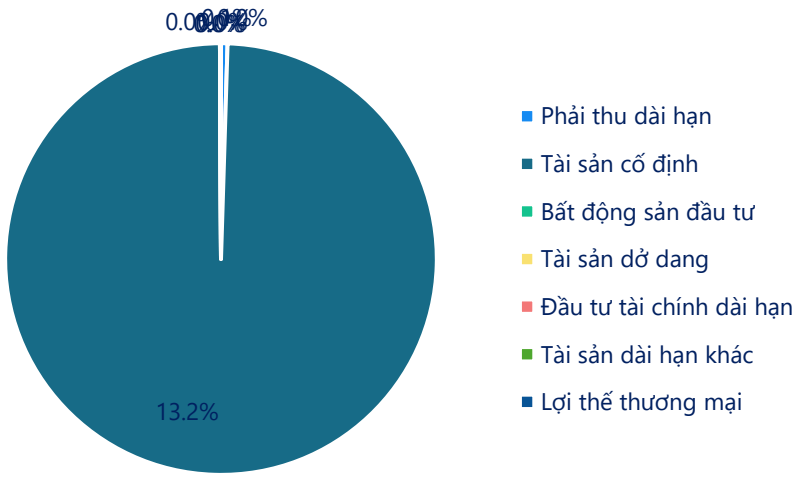
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



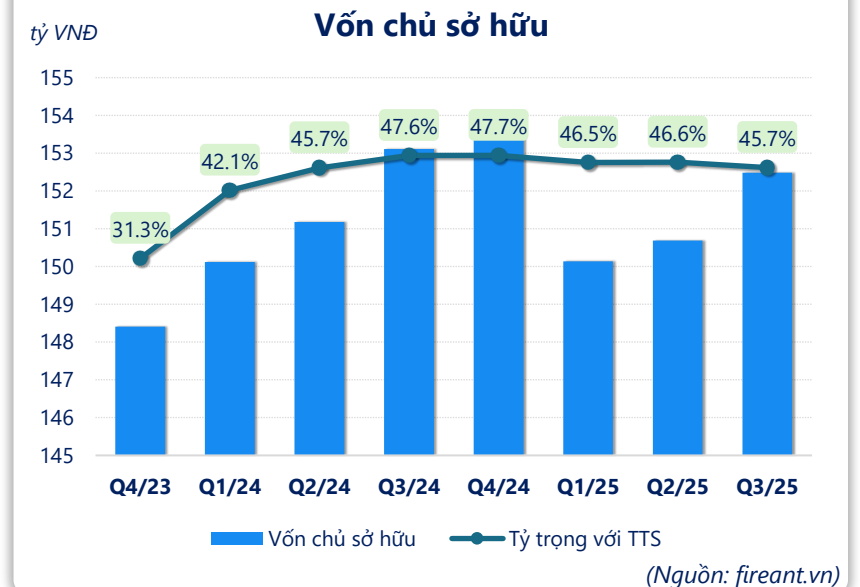
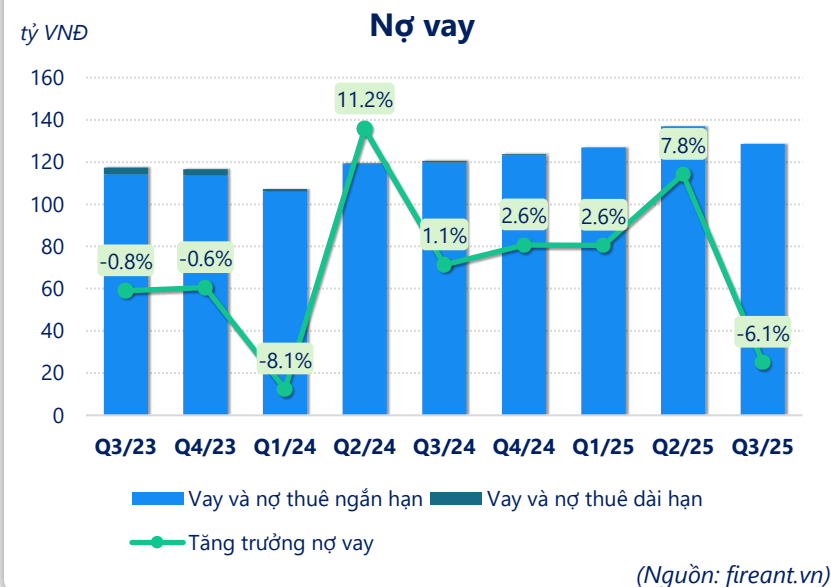
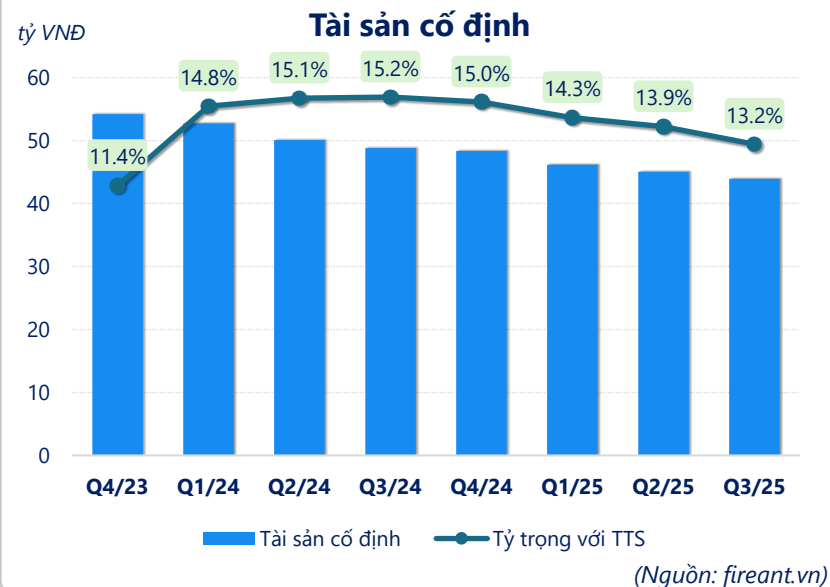
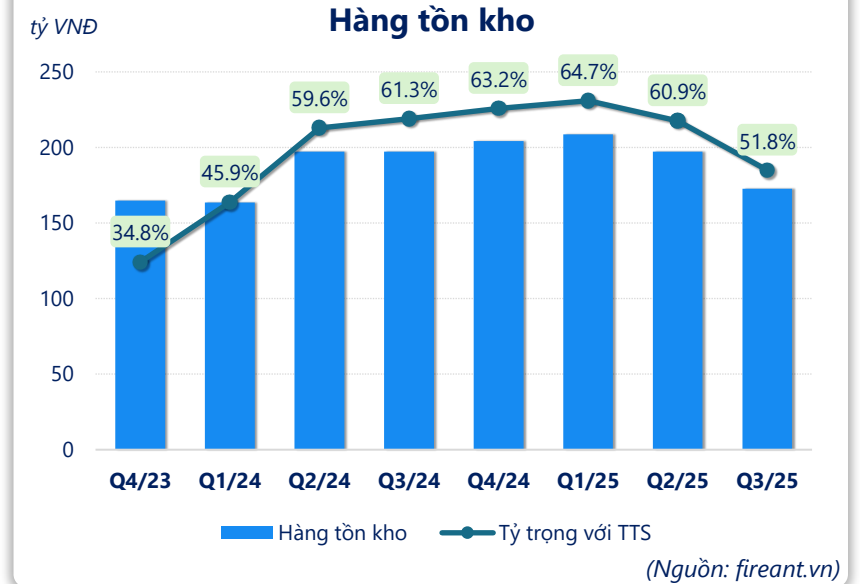
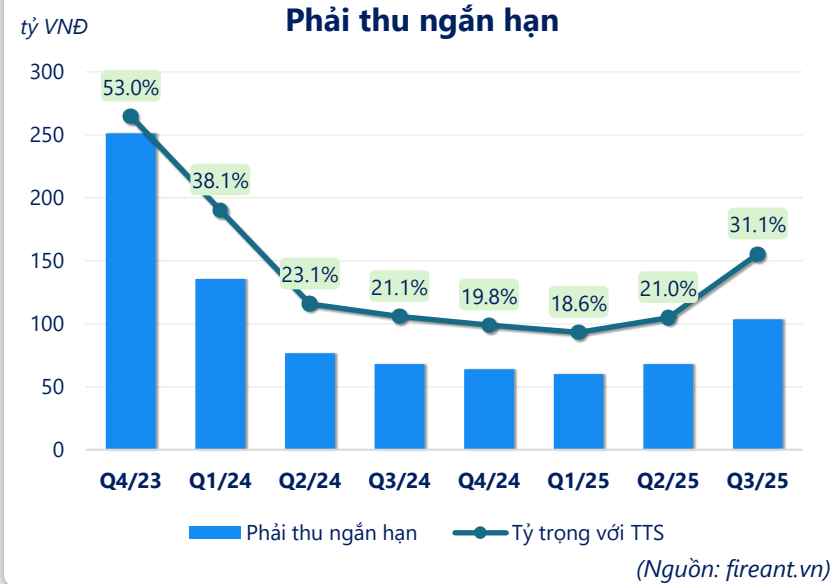
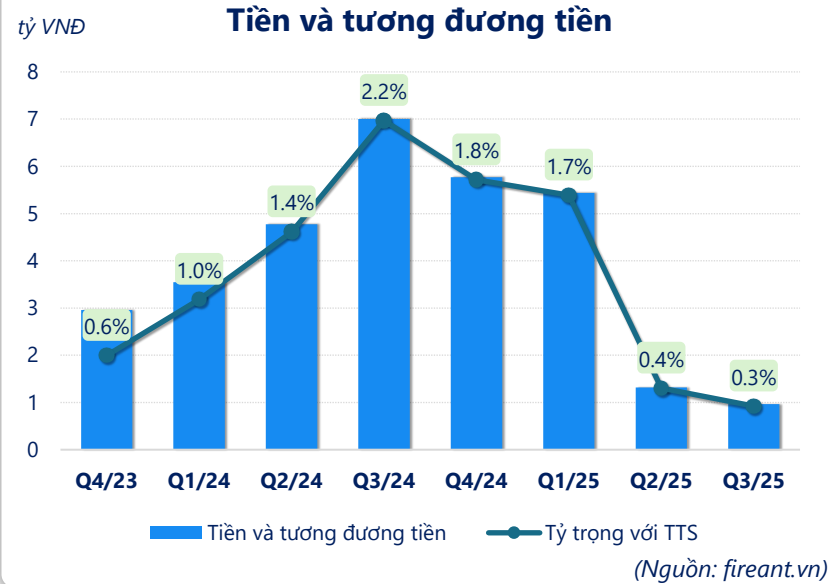
(Nguồn: fireant.vn)

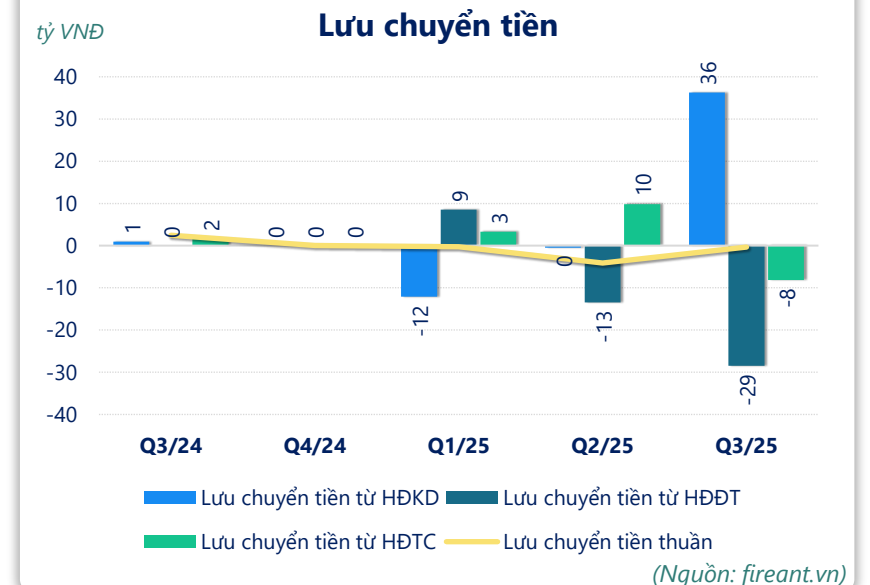
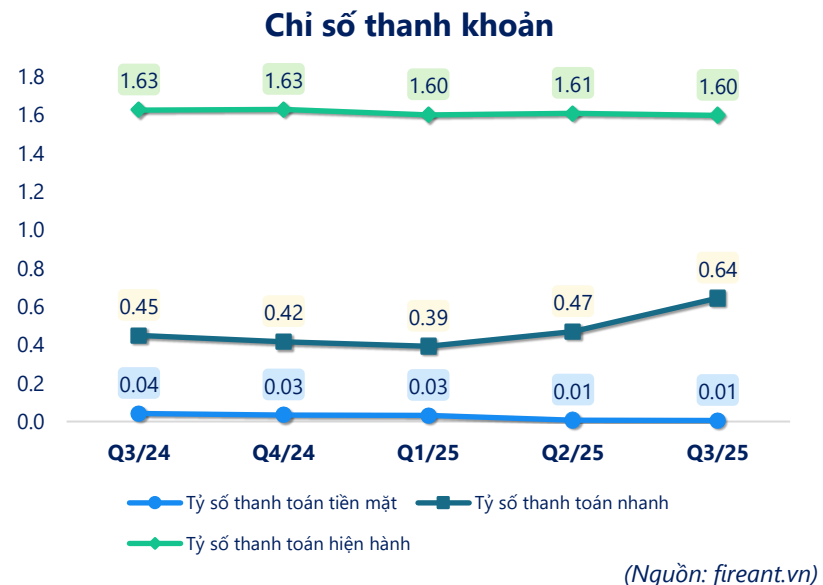
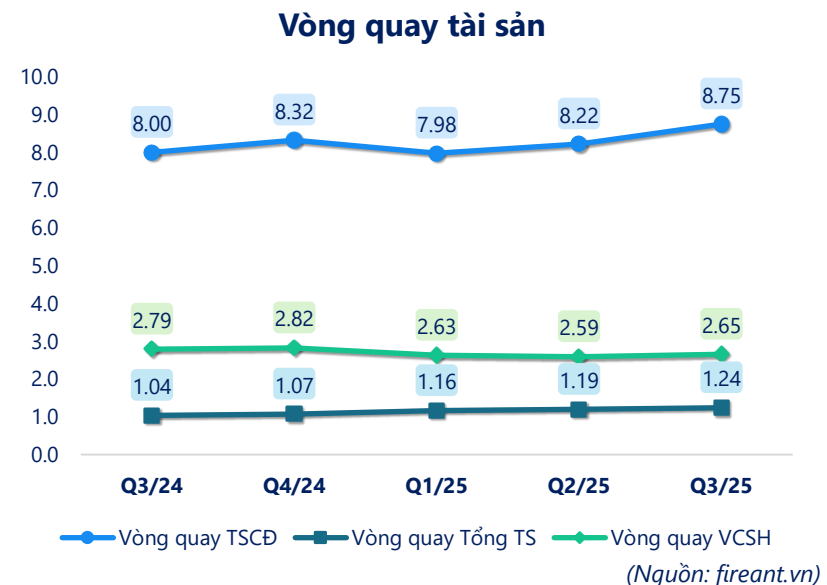
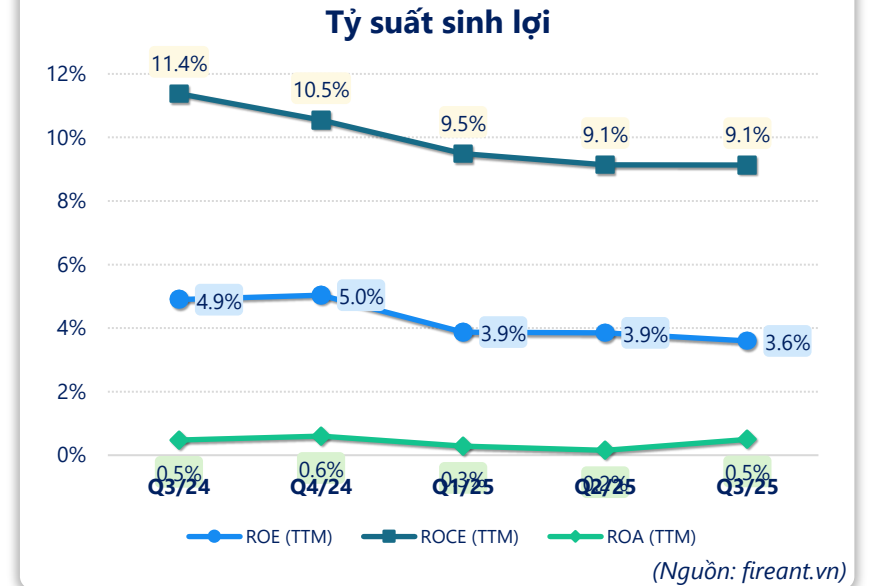
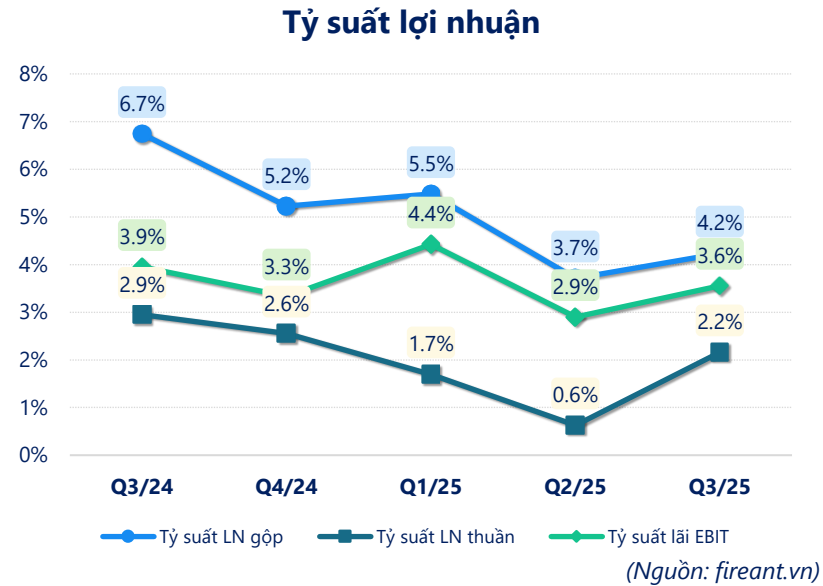
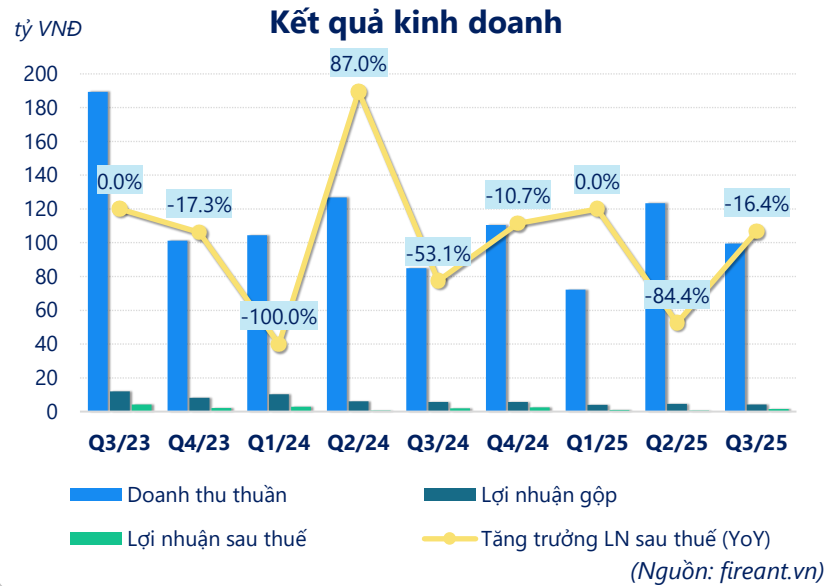
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	333	322	3.4%
Tài sản ngắn hạn	289	275	5.3%
Tiền và tương đương tiền	0.96	5.72	-83.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	0	
Phải thu ngắn hạn	104	64.0	61.9%
Hàng tồn kho	173	204	-15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	0.83	-33.6%
Tài sản dài hạn	44.2	47.6	-7.2%
Phải thu dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Tài sản cố định	43.9	47.3	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.06	-44.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	181	173	4.5%
Nợ ngắn hạn	181	173	4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	129	124	3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.3	22.8	59.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	149	2.2%
Vốn chủ sở hữu	152	149	2.2%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	84.9	110	72.2	123	99.6
Giá vốn hàng bán	79.2	105	68.2	119	95.3
Lợi nhuận gộp	5.72	5.77	3.96	4.58	4.22
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.37	0.22
Chi phí TC	2.26	2.30	1.97	2.95	1.52
Chi phí lãi vay	0.94	0.84	1.97	2.95	1.52
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.24	0.20	0.22	0.18	0.14
Chi phí QLDN	0.72	0.45	0.54	1.04	0.62
LN thuần từ HĐKD	2.50	2.82	1.23	0.77	2.15
Lợi nhuận khác	-0.09	0.02	0.00	-0.15	-0.13
LN trước thuế	2.41	2.84	1.23	0.63	2.02
Lợi nhuận sau thuế	1.93	2.40	0.98	0.50	1.61
LNST của CĐ cty mẹ	1.93	2.40	0.98	0.50	1.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.92	0	-12.1	-0.46	36.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	8.50	-13.5	-28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.53	0	3.32	9.83	-8.14
Tiền đầu kỳ	4.55	0	5.72	5.44	1.33
Lưu chuyển tiền thuần	2.45	0	-0.28	-4.12	-0.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	7.00	0	5.44	1.32	0.96

(Nguồn: fireant.vn)